

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H - sinh năm 1988;

Địa chỉ: 3, Ấp T T, xã B, huyện B1, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam N; địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị H, anh T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018 và bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1, tỉnh Bến Tre ngày 02/02/2012. Trước đó, anh, chị đã chung sống với nhau từ cuối năm 2007, nhưng do anh T đã vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù, nên anh, chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến năm 2012, anh T chấp hành xong hình phạt tù thì

anh, chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống với nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh T có sử dụng ma túy, chơi bời, cờ bạc, sau đó về đánh đập vợ con. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên giải, nhưng anh T không nghe, vẫn tiếp tục chơi bời và vi phạm pháp luật. Đến năm 2016, anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại: thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không kéo dài được nữa; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh N - sinh ngày 15/8/2008; hiện tại cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hoàng Minh N cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2018, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ H kết hôn với nhau trên cơ sở có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1, tỉnh Bến Tre ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh thường xuyên tụ tập ăn uống, chơi bời, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau đó, anh đã bỏ về quê sinh sống. Từ khi anh về quê sinh sống vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh N - sinh ngày 15/8/2008. Do hiện nay anh đang chấp hành hình phạt tù, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83, 88 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh N cho chị Nguyễn Thị Mỹ H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Mỹ H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện đang có HKTT và cư trú tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn là anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2012 tại UBND xã B, huyện B1, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, anh T thường xuyên chơi bời, tụ tập ăn uống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh T cũng thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh N - sinh ngày 15/8/2008. Xét thấy, mặc dù cháu Nguyễn Hoàng Minh N không sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, nhưng cả chị H và anh T cùng thừa nhận cháu N là con chung của vợ chồng, vì vậy cần xác định cháu Nguyễn Hoàng Minh N là con chung của chị H, anh T là phù hợp Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị từ khi anh, chị sống ly thân cháu ở cùng chị H. Trong thời gian nuôi dưỡng cháu chị H đều đảm bảo tốt các điều kiện nuôi dưỡng cháu, bản thân cháu Nguyễn Hoàng Minh N cũng có nguyện vọng ở với chị H. Mặt khác, hiện nay anh Nguyễn Văn T đang chấp hành hình phạt tù, nên không có điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, nên giao con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Mỹ H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Minh N và phù hợp pháp luật và thực tế. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83, 88 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh N - sinh ngày 15/8/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 04249 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã B, huyện B1, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh